

THÔNG BÁO BIỂU THU PHÍ, LỆ PHÍ

(Thông báo hợp nhất từ các văn bản : 1538/VPĐK-KHTC ngày 25/01/2017 ,
4058/VPĐK-KHTC ngày 24/3/2017 và 4540/VPĐK-LT-HCTH ngày 03/4/2017)

Phần Một

LỆ PHÍ THU HỘ CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (1 loại)

Ấn chỉ sử dụng: biên lai thu lệ phí , loại 2 liên

Tên cơ quan phát hành ấn chỉ : Sở Tài nguyên và Môi trường

Mã số thuế cơ quan thu : 0301456607

26-06-2017

A. LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ:

I. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà , tài sản gắn liền với đất.

1. Căn cứ thu : Quyết định 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Phụ lục 16).

2. Phạm vi , đối tượng áp dụng :

Tổ chức, cá nhân khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật

3. Mức thu :

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Tổ chức		
			Dưới 500m ²	Từ 500m ² đến dưới 500m ²	Trên 1000m ²
I Cấp Giấy chứng nhận lần đầu :					
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng /giấy	100.000	100.000	100.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	đồng /giấy	200.000	350.000	500.000
3	Cấp giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng /giấy	200.000	350.000	500.000
II Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận :					
1	Đăng ký thay đổi chỉ có quyền sử dụng đất	đồng /lần	20.000	20.000	20.000

2	Đăng ký thay đổi có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác ...)	đồng /lần	50.000	50.000	50.000
3	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng /lần	50.000	50.000	50.000
4	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng /lần	20.000	20.000	20.000
5	Cấp lại giấy chứng nhận mà có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng /lần	50.000	50.000	50.000

b) Hộ gia đình, cá nhân:

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Cá nhân, hộ gia đình	
			Quận	Huyện
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu :			
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng /giấy	25.000	0
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	đồng /giấy	100.000	100.000
3	Cấp giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng /giấy	100.000	100.000
II	Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận :			
1	Đăng ký thay đổi chỉ có quyền sử dụng đất	đồng /lần	15.000	7.500
2	Đăng ký thay đổi có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác ...)	đồng /lần	50.000	50.000
3	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng /lần	50.000	50.000
4	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng /lần	20.000	10.000
5	Cấp lại giấy chứng nhận mà có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng /lần	50.000	50.000

4.Đối tượng miễn thu: theo qui định tại Luật phí, lệ phí năm 2015 gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

5.Tỷ lệ trích nộp vào ngân sách Nhà nước : 100% số thu (*Sở Tài nguyên và Môi trường kê khai với cơ quan Thuế*).

6.Thời điểm thực hiện thu : áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Phần Hai

PHÍ DO VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TRỰC TIẾP THU (4 loại)

Ấn chỉ sử dụng: biên lai thu phí, loại 2 liên

Tên cơ quan phát hành ấn chỉ : Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố

Mã số thuế cơ quan thu : **0313364566**

ACÁC LOẠI PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH: (1 loại)

I. Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc và bản đồ:

1. Căn cứ thu phí :

- Thông tư 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu bản đồ.

2. Phạm vi, đối tượng áp dụng :

1. Tổ chức thu : các đơn vị có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố, trong đó có Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố.

3. Mức thu :

Đơn vị tính: Đồng

STT	LOẠI TƯ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU PHÍ	
			MỨC THU	GHI CHÚ
I	Bản đồ in trên giấy			
1	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 và lớn hơn	Tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	Tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000	Tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 và nhỏ hơn	Tờ	170.000	
5	Bản đồ hành chính Việt Nam	Bộ	900.000	
6	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	Bộ	300.000	
7	Bản đồ hành chính cấp huyện	Bộ	150.000	
II	Bản đồ số dạng Vector			
1	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo 7 lớp thông tin thì mức thu phí cho từng lớp như sau : a) Các lớp địa hình, dân cư, giao thông, thủy hệ : bằng 1/7 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các lớp cơ sở
2	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	950.000	
6	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000	mảnh	2.000.000	
7	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	mảnh	4.000.000	
11	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	mảnh	2.000.000	

STT	LOẠI TƯ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU PHÍ	
			MỨC THU	GHI CHÚ
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	mảnh	1.000.000	toán học, địa giới, thực vật: thu bằng 1/7 mức thu theo mảnh.
III	Bản đồ số dạng Raster		Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ	
IV	Dữ liệu phim ảnh chụp từ máy bay :			
	File chụp ảnh kỹ thuật số	file	250.000	
1	Phim quét độ phân giải 16 μ m	File	250.000	
2	Phim quét độ phân giải 20 μ m	File	200.000	
3	Phim quét độ phân giải 22 μ m	File	150.000	
4	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/2000	mảnh	60.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/5000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1/10.000	mảnh	70.000	
7	Bình đồ ảnh số 1/25.000	mảnh	70.000	
8	Bình đồ ảnh số 1/50.000	mảnh	70.000	
V	Giá trị điểm tọa độ			
1	Cấp 0	Điểm	340.000	
2	Hạng I	Điểm	250.000	
3	Hạng II	Điểm	220.000	
4	Hạng III, hạng IV	Điểm	200.000	
5	Địa chính cơ sở	Điểm	200.000	
VI	Giá trị điểm độ cao			
1	Hạng I	Điểm	160.000	
2	Hạng II	Điểm	150.000	
3	Hạng III	Điểm	120.000	
4	Hạng IV	Điểm	110.000	
VII	Giá trị điểm trọng lực			
3.1	Điểm cơ sở	Điểm	200.000	
3.2	Điểm hạng I	Điểm	160.000	
3.3	Điểm tựa	Điểm	140.000	
3.4	Điểm chi tiết	Điểm	80.000	
VIII	Ghi chú điểm tọa độ, độ cao, trọng lực	tờ	20.000	
IX	Cơ sở dữ liệu nền địa lý			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2.000	mảnh	400.000	
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/10.000	mảnh	850.000	
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000	mảnh	1.500.000	

STT	LOẠI TƯ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU PHÍ	
			MỨC THU	GHI CHÚ
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/1.000.000	mảnh	8.000.000	
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỉ lệ 1/2000 hoặc tỷ lệ 1/5000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2000 hoặc tỷ lệ 1/5000	mảnh	80.000	
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50000	mảnh	2.550.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50000	mảnh	300.000	
11	Cơ sở dữ liệu địa danh	địa danh	20.000	

4.Đối tượng miễn thu: theo qui định tại Luật phí , lệ phí năm 2015 gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

5.Tỷ lệ trích nộp vào ngân sách Nhà nước : 40% số thu.

6.Thời điểm thực hiện thu : áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

B.CÁC LOẠI PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ: (3 loại)

I.Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1.Căn cứ thu phí :

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (Phụ lục 03)

2.Phạm vi , đối tượng áp dụng :

-Đối tượng nộp phí: các hộ gia đình , cá nhân và tổ chức khi chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

3.Mức thu :

*Trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất :

STT	Qui mô diện tích (m ²)	Mức thu (Đồng/hồ sơ)
1	Tài sản có giá trị đến 1 tỷ đồng	50.000
2	Tài sản có giá trị từ trên 1 đến 5 tỷ đồng	100.000

3	Tài sản có giá trị từ trên 5 đến 10 tỷ đồng	2.100.000
4	Tài sản có giá trị trên 10 tỷ đồng	3.100.000

4. Đối tượng miễn thu:

- Theo qui định tại Luật phí , lệ phí năm 2015 gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với hộ gia đình cá nhân.

5. Tỷ lệ trích nộp vào ngân sách Nhà nước : 50% số thu.

6. Thời điểm thực hiện thu : áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

II. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai :

1. Căn cứ thu phí :

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (Phụ lục 08) .

- Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương qui định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là khoản thu đối với người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai .Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính.

2. Phạm vi , đối tượng áp dụng :

- Đối tượng nộp phí : các hộ gia đình , cá nhân và tổ chức khi khai thác và sử dụng tài liệu đất đai tại Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố.

3. Mức thu :

- Mức thu : 200.000 đồng/hồ sơ, tài liệu .

Chi tiết cho các loại tài liệu lưu trữ tại hệ thống Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố theo công văn 4540/VPĐK-LT-HCTH ngày 03/4/2017 :

STT	CÔNG VIỆC THỰC HIỆN	Khối lượng cung cấp/ lần thu 200.000 đồng	GHI CHÚ
A. DANH MỤC CÔNG VIỆC THU PHÍ : (Thời gian trả hồ sơ tối thiểu sau 4 ngày làm việc , cấp biên lai thu phí cho khách hàng)			
I	Sao lục hồ sơ		
1	Tài liệu photo đen trắng, khổ giấy A4 (không hạn chế số trang/tài liệu), gồm các loại:		
1.1	Hợp đồng	200.000/2 bản	Cung cấp 02 bản có dấu sao lục ;
1.2	Quyết định	200.000/2 bản	Cung cấp 02 bản có dấu

			sao lục ;
1.3	Giấy phép	200.000/2 bản	Cung cấp 02 bản có dấu sao lục ;
1.4	Biên bản	200.000/2 bản	Cung cấp 02 bản có dấu sao lục ;
	nt	nt
2	<i>Tài liệu photo đen trắng, khổ giấy A3 trở lên (không hạn chế số trang /tài liệu)</i>		
2.1	Giấy chứng nhận	200.000/1 bản	Cung cấp 01 bản có dấu sao lục
2.2	Bản vẽ	200.000/1 bản	Cung cấp 01 bản có dấu sao lục
	nt	nt
II	Cung cấp thông tin bằng văn bản (01 bản/văn bản):		
1	Tình trạng pháp lý	200.000/địa chỉ/01 văn bản	Trả lời vấn đề nhà đất đã được cấp Giấy chứng nhận chưa (Thông tin được cung cấp: số GCN, ngày, tháng, năm, do UBND hoặc Sở... cấp)
2	- Thừa đất - Người sử dụng đất - Quyền sử dụng đất - Tài sản gắn liền với đất	200.000/địa chỉ	Thông tin được cung cấp: Số thửa, số tờ bản đồ, diện tích, loại đất, địa chỉ. Họ tên, năm sinh, CMND người được cấp GCN
3	Lịch sử biến động	200.000/lần biến động	
4	Hạn chế về quyền	200.000/địa chỉ	Thông tin tranh chấp, ngăn chặn...tại VPĐK Thành phố
III	Trích lục bản đồ địa chính	200.000đồng/thửa đất/01 bản	Cung cấp 01 bản trích lục bản đồ địa chính của thửa đất với 06 lớp chính : (1)Thông tin về ranh thửa (2)Thông tin về số tờ (3)Thông tin về số thửa (4)Thông tin về loại thửa (5)Thông tin về diện tích (6)Thông tin về tên chủ sử

4.Đối tượng miễn thu:

-Theo qui định tại Luật phí , lệ phí năm 2015 gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường , các cơ quan tài nguyên và môi trường địa phương , Ủy ban nhân dân các cấp có yêu cầu cung cấp thông tin đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và đất đai thuộc phạm vi quản lý.

- Các cơ quan Nhà nước , cơ quan Đảng , tổ chức chính trị xã hội có yêu cầu cung cấp thông tin đất đai để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng của mình .

5.Tỷ lệ trích nộp vào ngân sách Nhà nước : 10% số thu.

6.Thời điểm thực hiện thu : áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

III.Phí cung cấp thông tin; phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

1.Căn cứ thu phí:

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (Phụ lục 09)

2.Phạm vi đối tượng áp dụng :

1. Áp dụng đối với việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí cung cấp thông tin , phí đăng ký GDBĐ tại Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố .

2. Đối tượng nộp phí: Tô chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm , hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án; yêu cầu cung cấp thông tin về GDBĐ , hợp đồng, tài sản kê biên; cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký GDBĐ, hợp đồng , thông báo việc kê biên tài sản thi hành án đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Mức thu:

- Đăng ký giao dịch bảo đảm : 80.000 đồng.
 - Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: 70.000 đồng
 - Đăng ký thay đổi nội dung GDBĐ đã đăng ký : 60.000 đồng
 - Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm : 20.000 đồng
 - Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): 30.000 đồng/trường hợp.

4. Đối tượng miễn thu:**a.Đối với phí đăng ký GDBĐ:**

-Theo qui định tại Luật phí , lệ phí năm 2015 gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

-Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

-Cá nhân, tổ chức có yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký GDBĐ do lỗi của cán bộ đăng ký.

-Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án , yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

b. Đối với phí cung cấp thông tin về GDBĐ:

-Theo qui định tại Luật phí , lệ phí năm 2015 gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

-Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng; chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

5.Tỷ lệ trích nộp ngân sách nhà nước:

- Phí đăng ký giao dịch bảo đảm : 15% số thu

- Phí cung cấp thông tin về GDBĐ : 35%

6.Thời điểm thực hiện thu : áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Phần Ba :

THỦ TỤC MIỄN GIẢM CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ:

1.Đối với mọi trường hợp miễn giảm phí, lệ phí: phải lập dữ liệu trong chương trình máy tính, in ra phiếu miễn giảm 2 liên , 1 liên giao khách hàng, 1 liên lưu , quản lý như ấn chỉ, hàng tháng lập báo cáo .

2.Chứng từ xét miễn giảm :

- Trường hợp trẻ em (đến 15 tuổi) , người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên): căn cứ vào năm sinh của chủ sử dụng, sở hữu trên GCN (kể cả bên mua và bán) để lập phiếu miễn giảm.

- Đối với hộ nghèo, người khuyết tật, người có công với CM : yêu cầu nộp bản photo sổ hộ nghèo, giấy giám định y khoa, giấy chứng nhận người có công ..., đồng thời nhân viên tiếp nhận hồ sơ yêu cầu khách hàng xuất trình bản chính , sau khi đối chiếu đúng , đóng dấu “ **Đã đối chiếu bản chính** “ lên bản photo , lưu trong hồ sơ và lập phiếu miễn giảm. *only*

Nơi nhận:

- BGĐ Sở TNMT”” thay báo cáo”;
 - VP Sở TNMT : “thay báo cáo + đăng lên trang web Sở TNMT”;
 - P.KHTC Sở TNMT “ thay báo cáo”
 - BGĐ VPĐKĐĐT;
 - Chi nhánh VPĐKĐĐ 24 quận huyện “ để thực hiện + niêm yết tại các điểm thu ngân;;
 - Các phòng ban VPĐKĐĐ TP “ để thực hiện + niêm yết tại điểm thu ngân 12 Phan Đăng Lưu + đăng web VPĐKĐĐT”
 - Lưu: VT-KHTC.
- DT-s:V-Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Liên